

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 273/2019/HS-ST

Ngày: 04-10-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mai

Ông Đoàn Hồng Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 264/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1983 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 19/680 đường G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quốc T và bà: Vũ Thị B; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: ngày 19-7-2019 Công an thành phố N xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: ngày 26-6-2006 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 28-4-2008 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt, tạm giữ ngày 03-7-2019, chuyển tạm giam ngày 09-7-2019; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1975; nơi cư trú: xóm X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03-7-2019 Nguyễn Ngọc T lang thang tại khu vực chợ VM, thành phố N mục đích tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày T đi đến đầu chợ VM hướng ra ngõ 679 G, phường V, thành phố N, phát hiện chị Nguyễn Thị Hạnh, dắt xe đạp điện đi phía trước, ở yên sau xe có buộc 01 chiếc rổ bằng kim loại, bên dưới chiếc rổ phía hông bên phải có treo 02 chiếc làn nhựa màu xanh lồng vào nhau, bên trong làn chị H để 01 chiếc túi xách giả da màu nâu đen kích thước (10x15)cm hơi nhô lên khỏi miệng làn. T đi bám theo giữ khoảng cách 3m phía sau chị H đến giữa ngõ 679 G, thấy không có người qua lại, T chạy nhanh đến phía đuôi xe của chị H, lúc này chị H nghe thấy tiếng bước chân nên quay đầu lại thì thấy T đang đứng sát đuôi xe của mình. Thấy chị H quay lại nhìn, T nhanh chóng tiến tới cúi người dùng tay trái giật lấy chiếc túi xách giả da màu nâu đen trong làn của chị H rồi quay ngược lại bỏ chạy về phía chợ VM, thì bị chị H tri hô “Sao mày lấy túi của tao, cướp, cướp!” rồi quay xe lại đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Tân chạy đến khu vực đường D14 khu tập thể V M quay lại nhìn không thấy ai đuổi theo mình nữa nên lấy chiếc túi vừa chiếm đoạt được ra kiểm tra, bên trong túi chị H có để 600.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 1190 màu đen trắng, 04 ảnh cá nhân kích thước (4x6)cm chụp hình của chị H. T lấy chiếc điện thoại và số tiền cất vào túi quần bên trái rồi vứt chiếc túi giả da bên trong có 4 ảnh cá nhân của chị H qua tường rào vào bên trong sân trường tiểu học Trần Văn Lan, thành phố N. Sau đó T tháo sim trong điện thoại vừa chiếm đoạt được bẻ gãy rồi vứt đi (cơ quan điều tra không thu hồi được), số tiền 600.000 đồng T chi tiêu cá nhân hết 500.000 đồng, còn 100.000 đồng Tân mang về nhà cất vào ví của mình rồi giấu cùng chiếc điện thoại Nokia 1190 ở đầu giường.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị Nguyễn Thị H đã đến Công an phường V, thành phố N trình báo. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành triệu tập Nguyễn Ngọc T. Tại Cơ quan điều tra và Công an phường V, Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên và tự nguyện giao nộp số tiền 100.000 đồng, chiếc điện thoại Nokia 1190 và 01 bộ quần áo gồm 01 quần đùi màu đen và 01 áo ngắn tay màu xanh Tân mặc khi giật tài sản của chị H. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu hồi chiếc túi xách bên trong có 04 ảnh cá nhân của chị Hạnh tại sân trường tiểu học Trần Văn Lan, phường V, thành phố N. Ngày 04-7-2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Ngọc T.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N xác định: Chiếc túi xách giả da màu nâu đen và chiếc điện thoại Nokia 1190 có tổng trị giá 200.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại chiếc túi xách giả da màu nâu đen (bên trong có 04 ảnh cá nhân) và số tiền 100.000 đồng cùng chiếc điện thoại Nokia 1190 cho chị H, chị H nhận lại và yêu cầu T phải bồi thường cho chị số tiền 500.000 đồng.

Bản cáo trạng số **267/CT-VKS ngày 05-9-2019** của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Tkhai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03-7-2019 Nguyễn Ngọc T đã giật chiếc túi xách giả da bên trong có 600.00 đồng và chiếc điện thoại Nokia 1190 của chị Nguyễn Thị H tại khu vực ngõ 679 đường G, phường V, thành phố N rồi nhanh chóng bỏ chạy như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”; xử phạt bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng. Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03-7-2019, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi công khai, nhanh chóng và bất ngờ chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H chiếc túi xách bên trong có 600.000 đồng và chiếc điện thoại Nokia 1190 trị giá 200.000 đồng tại khu vực ngõ 679 đường G, phường V, thành phố N rồi bỏ chạy. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố N xác định tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 800.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi của bị cáo là lỗi

cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có một lần bị kết án đã được xóa án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng. Căn cứ tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bị cáo bồi thường cho chị H số tiền 500.000 đồng

[6] Về xử lý vật chứng: Một bộ quần áo đã cũ bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 03-7-2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy một quần đùi, một áo ngắn tay (chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng)

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị hại là chị Nguyễn Thị H, bị cáo Nguyễn Ngọc T có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tp. N (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. N;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diện

